TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ HỌC TẬP LỚP 65DCCDA1
HỌC KỲ 1 - NĂM HỌC 2017-2018

STT	SINH VIÊN / HỌC PHẦN				DC1LL04_Đường lối cách mạng của Đảng cộng		DC3CA51_Kỹ thuật thi công cầu 1 (3)		DC3CA52_Kỹ thuật thi công cầu 2 (3)		DC3DB52_Kỹ thuật thi công mặt đường (3)		DC4CD21_Thực tập Khảo sát thiết kế cầu, đường (5)		DC4CT13_Thực tập kỹ thuật thi công cơ bản (3)		Tổng số HP thi lại	Tiền thi lại
	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ		360,000
1	65DCCA22046	Nguyễn Tuấn	Anh	14/09/1996	8.5	A	6.7	C+	8.7	A	7.0	B	8.6	A	7.3	B		
2	65DCCD22438	Nguyễn Tùng	Bách	08/12/1995	9.0	A	8.8	A	8.3	B+	8.4	B+	9.0	A	7.9	B		
3	65DCDB20540	Trần Trọng	Bách	12/08/1996	5.3	D+	8.6	A	7.3	B	8.3	B+	8.7	A	8.1	B+		
4	65DCCA24410	Mai Thanh	Bình	10/04/1996	4.2	D	3.3	F	4.1	D	2.6	F	8.6	A	8.1	B+	2	30,000
5	65DCCD20495	Nguyễn Quang	Chiến	21/06/1996	6.4	C+	7.9	B	5.2	D+	8.0	B+	8.0	B+	7.2	B		
6	65DCCD22424	Đỗ Mạnh	Cường	04/10/1996	7.9	B	6.2	C+	2.4	F	9.0	A	8.6	A	9.0	A	1	15,000
7	65DCCD20462	Trương Tiến	Cường	10/02/1996	7.0	B	7.7	B	6.2	C+	6.9	C+	7.3	B	7.8	B		
8	65DCCD22407	Nguyễn Thành	Duy	12/07/1996	6.0	C+	6.1	C+	8.7	A	5.2	D+	8.9	A	8.2	B+		
9	65DCCA22699	Vũ Khắc	Dương	08/06/1996	5.9	C	9.5	A	5.5	C	8.8	A	8.0	B+	8.2	B+		
10	65DCCD20491	Trần Đức	Hạnh	03/08/1996	7.7	B	9.0	A	8.3	B+	8.7	A	9.4	A	8.1	B+		
11	65DCCD20467	Đinh Ngọc	Hân	08/01/1996	8.1	B+	7.0	B	8.3	B+	7.2	B	5.9	C	8.2	B+		
12	65DCCA20526	Nguyễn Đình	Hiếu	16/06/1996	5.3	D+	2.9	F	4.8	D	8.1	B+	4.7	D	7.4	B	1	15,000
13	65DCDD21993	Lê Huy	Hoàng	12/12/1994	4.8	D	7.7	B	8.7	A	8.3	B+	8.2	B+	7.8	B		
14	65DCDB23527	Lê Văn	Hoàng	25/06/1995	7.8	B	8.4	B+	4.1	D	8.5	A	8.3	B+	7.9	B		
15	65DCCS20637	Trần Xuân	Hoàng	30/08/1996	5.3	D+	7.7	B	2.1	F	7.1	B	8.5	A	8.7	A	1	15,000
16	65DCCD22018	Nguyễn Việt	Hùng	05/01/1995	2.2	F	2.1	F	2.4	F	2.2	F	6.3	C+	7.5	B	4	60,000
17	65DCCA22454	Nguyễn Minh	Huy	16/12/1996	5.0	D+	8.7	A	8.0	B+	7.4	B	7.1	B	7.1	B		
18	65DCCA22815	Nguyễn Tuấn	Hưng	19/12/1996	5.0	D+	4.0	D	2.7	F	2.4	F	7.7	B	7.2	B	2	30,000
19	65DCDD24007	Phạm Văn	Mạnh	01/06/1996	8.5	A	9.1	A	8.0	B+	9.1	A	7.0	B	7.8	B		
20	65DCCA22814	Hoàng Ngọc	Minh	10/09/1996	4.8	D	2.1	F	2.8	F	5.9	C	6.3	C+	7.1	B	2	30,000
21	65DCCD22038	Thái Văn	Pháp	06/10/1996	9.0	A	8.6	A	9.0	A	8.1	B+	8.7	A	8.2	B+		
22	65DCCS22717	Trần Văn	Phú	27/09/1996	6.0	C+	4.1	D	7.0	B	7.7	B	7.3	B	8.1	B+		
23	65DCCD22696	Phan Bá	Phúc	30/04/1993	1.8	F	0.0	F	1.8	F	2.2	F	5.5	C	7.4	B	3	45,000
24	65DCCS21489	Lê Minh	Quang	30/10/1996	5.2	D+	6.1	C+	3.2	F	5.0	D+	5.9	C	7.5	B	1	15,000
25	64DCDB3132	Vũ Mạnh	Quang	11/09/1995			4.0	D	5.7	C	5.9	C	6.5	C+	8.1	B+		
26	65DCCA24431	Trần Hồng	Quân	14/11/1994	6.1	C+	3.8	F	2.7	F	6.0	C+	6.2	C+	8.1	B+	2	30,000
27	65DCCD20440	Nguyễn Văn	Sơn	14/08/1996	8.8	A	8.6	A	7.3	B	8.7	A	9.2	A	8.2	B+		
28	65DCCD23041	Đặng Huy	Tâm	08/08/1993	6.1	C+	7.6	B	2.2	F	6.2	C+	7.0	B	7.8	B	1	15,000
29	65DCCA24122	Bùi Thiện	Thắng	04/05/1995	7.4	B	8.2	B+	8.3	B+	2.8	F	7.0	B	7.9	B	1	15,000
30	65DCCD22444	Nguyễn Hữu	Thọ	24/02/1996	4.4	D	8.4	B+	4.5	D	8.0	B+	8.2	B+	7.9	B		
31	65DCDB23078	Lê Đình	Trang	28/11/1994	5.6	C	6.5	C+	9.0	A	8.2	B+	8.9	A	7.4	B		

STT	SINH VIÊN / HỌC PHẦN			DC1LL04_Đường lối cách mạng của Đảng cộng		DC3CA51_Kỹ thuật thi công cầu 1 (3)		DC3CA52_Kỹ thuật thi công cầu 2 (3)		DC3DB52_Kỹ thuật thi công mặt đường (3)		DC4CD21_Thực tập Khảo sát thiết kế cầu, đường (5)		DC4CT13_Thực tập kỹ thuật thi công cơ bản (3)																				Tổng số HP thi lại	Tiền thi lại
	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ																				360,000
32	64DCDD3025	Nguyễn Thị Vân Trang	25/05/1995	7.0	B	8.6	A	9.0	A	8.8	A	8.7	A	8.1	B+																				
33	65DCCD22420	Phan Thị Thanh Tú	20/11/1996	6.1	C+	8.4	B+	8.3	B+	8.3	B+	9.0	A	8.9	A																				
34	65DCCD20447	Nguyễn Anh Tuấn	22/12/1996	8.3	B+	7.2	B	8.3	B+	8.6	A	7.7	B	7.8	B																				
35	65DCCD20501	Trương Thanh Tùng	27/04/1993	6.1	C+	7.0	B	8.3	B+	8.0	B+	8.2	B+	8.5	A																				
36	65DCCA20532	Đỗ Khắc Tuyến	26/08/1995	6.4	C+	6.2	C+	7.7	B	5.7	C	7.7	B	8.1	B+																				
37	65DCCA23352	Nguyễn Như Tuyến	15/09/1996			0.0	F	1.5	F	2.2	F	2.5	F	7.0	B																			3	45,000
38	65DCCD20477	Đỗ Thế Vinh	03/05/1996	5.1	D+	7.7	B	6.6	C+	8.8	A	9.0	A	8.6	A																				
39	65DCCD20458	Nguyễn Văn Vinh	16/10/1996	4.7	D	7.2	B	8.7	A	5.7	C	7.3	B	7.8	B																				
40	65DCDB21722	Phạm Duy Vũ	02/04/1995																																